

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2025/HC-PT

Ngày: 18 - 9 - 2025

*V/v Khởi kiện Quyết định hành chính
về quản lý đất đai và Quyết định
cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp
khắc phục hậu quả*

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Uyên - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 584/2025/TLPT-HC ngày 27 tháng 6 năm 2025 về việc “*Khởi kiện Quyết định hành chính về quản lý đất đai và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2025/HC-ST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 711/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Tăng H1, sinh năm 1960 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1964 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường R, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Thành T, sinh năm 1985;

địa chỉ: B Chung cư B tầng, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (Là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 24-11-2023) (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân tỉnh B là Ủy ban nhân dân Thành phố H (vắng mặt);

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H (vắng mặt);

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Hữu D - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T (có đơn xin vắng);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T: Ông Đào Công T1 (có mặt) và Bà Phạm Thị Thu H2 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Tăng H1 và bà Nguyễn Thị O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Theo Đơn xin xác nhận ngày 02-11-2006 của ông Tăng H1 có xác nhận của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) Phường H, thành phố V thì vào năm 1988, U đã tập trung các hộ cư trú tự do ở khu Đ vào một khu vực để dễ quản lý, trong đó có hộ bà Nguyễn Kim B. Đến ngày 03-10-1992, bà Lê Thị Kim L (mẹ ruột của bà B) đã chuyển nhượng nhà đất này bằng giấy tay cho ông Bùi Văn T2. Ngày 28-8-1997, ông Trung chuyển N nhà đất này bằng giấy tay cho vợ chồng ông H1, bà O. Ông H1, bà O đã sử dụng ổn định lâu dài từ đó đến nay và đất không có tranh chấp.

Quá trình thu hồi đất và khiếu nại:

Ngày 31-12-2003, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 15134/QĐ-UB về việc thu hồi 38.514,2 m² tại đường L nối dài, Phường H, thành phố V để đầu tư xây dựng Trường PTTH chuẩn Quốc Gia thành phố V.

Ngày 19-11-2004, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 9769/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, trợ cấp để xây dựng công trình Trường P, thành phố V (Viết tắt là Quyết định số 9769/QĐ-UB).

Cùng ngày 19-11-2004, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 9827/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của hộ ông Tăng H1 để xây dựng Trường P, thành phố V (Viết tắt là Quyết định số 9827/QĐ-UB). Số tiền đền bù hoa màu là 2.358.700 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm đồng), trong đó diện tích đất thu hồi là 0m² và diện tích đất đền bù là 0m², không đền bù về đất.

Ngày 14-3-2005, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 793/QĐ-UB về việc phê duyệt bổ sung kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống, nhà và vật kiến trúc của hộ ông Tăng H1 (Viết tắt là Quyết định số 793/QĐ-UB) với tổng kinh phí bồi thường thiệt hại là 26.817.207 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm mười bảy ngàn hai trăm lẻ bảy đồng) và không bồi thường về đất và nhà vì cho rằng hộ ông H1 sử dụng đất do Nhà nước quản lý.

Ông H1, bà O không đồng ý và làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 20-11-2007, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 4121/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của ông Tăng H1 (Viết tắt là Quyết định số 4121/QĐ-UBND), có nội dung bác đơn khiếu nại của ông H1 về việc yêu cầu bồi thường phần diện tích đất bị nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Trường P, Phường H, thành phố V do xác định nguồn gốc đất của ông H1, bà O là đất của Nhà nước, hộ ông H1 chiếm dụng xây nhà trái phép nên không được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, chỉ được hỗ trợ di dời và ổn định đời sống.

Ngày 17-3-2008, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1093/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ bổ sung tiền thuê nhà (Viết tắt là Quyết định số 1093/QĐ-UBND), theo đó hộ ông Tăng H1 được hỗ trợ số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Ông H1, bà O không đồng ý các quyết định trên nên chưa nhận bất kỳ khoản đền bù nào và tiếp tục làm đơn khiếu nại đến nhiều cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 09-4-2021, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2096/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Tăng H1 (Viết tắt là Quyết định số 2096/QĐ-CCXP).

Ngày 05-4-2022, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2567/QĐ-SĐBSHB ngày 05-4-2022 về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (Viết tắt là Quyết định số 2567/QĐ-SĐBSHB).

Tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 9769/QĐ-UBND, Quyết định số 9827/QĐ-UBND, Quyết định số 793/QĐ-UBND, Quyết định số 4121/QĐ-UBND, Quyết định số 1093/QĐ-UBND, Quyết định cưỡng chế số 2096/QĐ-CCXP, Quyết định số 2567/QĐ-SĐBSHB; đồng thời, buộc UBND tỉnh B bồi thường cho ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O phần đất có diện tích 1.908,6m² tại số B L, Phường H, thành phố V đã bị thu hồi theo Quyết định 15134/QĐ-UBND ngày 31-12-2003 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh B, Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày:

Giữ nguyên quan điểm tại Văn bản số 3789/UBND-VP ngày 28-3-2024 của UBND tỉnh B: Căn cứ quy định tại Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện của ông Tăng H1 và bà Nguyễn Thị O đối với các quyết định hành chính bị khởi kiện đã hết, do đó đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố V trình bày:

Giữ nguyên quan điểm tại Văn bản số 9873/UBND-QLĐT ngày 11-9-2024 của UBND thành phố V như sau:

- Về việc xử lý vi phạm hành chính:

Về quyền sử dụng đất: Thửa đất ông Tăng H1 sử dụng thuộc một phần các thửa đất số 5, 14, 34 (thửa đất cũ số 58), tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 05), địa chỉ số B đường L, Phường H, thành phố V. Diện tích 1207,4m². Phần diện tích đất ông Tăng H1 xây dựng công trình và sử dụng có nguồn gốc do Công ty D1 đăng ký năm 1989.

- Hiện trạng và hành vi vi phạm:

+ Về lĩnh vực xây dựng:

Ông Tăng H1 tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng thuộc một phần các thửa đất số 5, 14, 34 (thửa đất cũ số 58), tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 05), địa chỉ số B đường L, Phường H, thành phố V. Hiện trạng các công trình:

Công trình 01: Tường gạch, mái lợp tôn, diện tích xây dựng: 52,4m².

Công trình 02: Vách tôn, mái lợp tôn, diện tích xây dựng: 28,3m².

+ Về lĩnh vực đất đai:

Ông Tăng H1 chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị thuộc một phần các thửa đất số 5, 14, 34 (thửa đất cũ số 58), tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 05), địa chỉ số B đường L, Phường H, thành phố V. Diện tích 1207,4m². Thời điểm vi phạm: Theo nội dung Báo cáo số 199/BC-UBND ngày 15-10-2020 của U, hành vi vi phạm của ông Tăng H1 đã xảy ra trước thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính trên đất thuộc diện Nhà nước quản lý từ năm 1989 (năm 1997).

Ngày 29-12-2020, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7380/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Tăng H1, địa chỉ số B đường L, Phường H, thành phố V với biện pháp khắc phục hậu quả là:

- Buộc ông Tăng H1 tháo dỡ các công trình xây dựng vi phạm có diện tích xây dựng (52,4m² + 28,3m²), thuộc một phần các thửa đất số 5, 14, 34 (thửa đất cũ số 58), tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 05), địa chỉ số B đường L, Phường H, thành phố V.

- Buộc ông Tăng H1 khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm có diện tích 1.207,4m² thuộc một phần các thửa đất số 5, 14, 34 (thửa đất cũ số 58), tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 05), địa chỉ số B đường L, Phường H, thành phố V.

Do hết thời gian tự giác thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng ông Tăng H1 không tự giác chấp hành, ngày 18-3-2021, U có Báo cáo số 104/BC-UBND về việc đề nghị Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (*Quyết định số 7380/QĐ-KPHQ ngày 29-12-2020 của UBND thành phố V*) đối với ông Tăng H1 về các hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng và chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị, thuộc một phần các thửa đất số 5, 14, 34 (thửa đất cũ số 58), tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 05), địa chỉ số B đường L, Phường H, thành phố V.

Ngày 09-4-2021, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2096/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Tăng H1.

- Việc tuân thủ quy định pháp luật:

+ Về hành vi vi phạm: Hành vi vi phạm của ông Tăng H1 được quy định tại:

Hành vi thứ nhất: ông Tăng H1 tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng thuộc một phần các thửa đất số 5, 14, 34 (thửa đất cũ số 58), tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 05), địa chỉ số B đường L, Phường H, thành phố V. Hành vi này được quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ.

Hành vi thứ hai: ông Tăng H1 chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị thuộc một phần các thửa đất số 5, 14, 34 (thửa đất cũ số 58), tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 05), địa chỉ số B đường L, Phường H, thành phố V. Diện tích 1207,4m² được quy định tại điểm d, khoản 3, khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Thời điểm vi phạm: theo nội dung Báo cáo số 199/BC-UBND ngày 15-10-2020 của U, hành vi vi phạm của ông Tăng H1 đã xảy ra trước thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính trên đất thuộc diện Nhà nước quản lý từ năm 1989 (năm 1997).

Hậu quả của hành vi vi phạm: ông Tăng H1 phải bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm.

- Về thành phần hồ sơ xử lý vi phạm hành chính:

- + Báo cáo đề xuất xử phạt vi phạm hành chính của U;
- + Biên bản vi phạm hành chính (*được lập theo mẫu quy định*);
- + Biên bản xác minh (*do vụ việc có tình huống phức tạp cần xác minh*);
- + Giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất;
- + Vị trí xây dựng trên thửa đất, hiện trạng xây dựng;
- + Giấy tờ về nhân thân/pháp nhân của đối tượng vi phạm;

- Về thời hạn, thời hiệu:

+ Đối với Quyết định số 7380/QĐ-KPHQ ngày 29-12-2020: các Biên bản vi phạm hành chính được lập ngày 15-10-2020; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ban hành ngày 29-12-2020 việc ban hành quyết định khắc phục hậu quả là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6; khoản 1, khoản 2 Điều 65; khoản 1, Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

+ Đối với Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 2096/QĐ-CCXP ngày 09-4-2021: do hết thời gian tự giác thi hành mà đối tượng vi phạm không tự giác chấp hành nên việc ban hành Quyết định cưỡng chế

là phù hợp với quy định tại Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12-11-2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

+ Đối với Quyết định số 2567/QĐ-SĐBSHB ngày 05-4-2022 về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Tăng H1:

Do sai sót trong quá trình soạn thảo Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Tăng H1 nên UBND Thành phố ban hành Quyết định sửa đổi bổ sung. Nội dung sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần Quyết định số 2096/QĐ-CCXP ngày 09-4-2021 của UBND thành phố V như sau: Bổ sung phần căn cứ ban hành Quyết định: *“Căn cứ Quyết định số 2095/QĐ-GQCC ngày 09-4-2021 của thành phố V về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính”*. Việc này phù hợp với quy định tại Điều 18, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012đổi bởi khoản 7 Điều 1, Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi 2020và Điều 14, Nghị định 118/2021/NĐ-CPngày 23-12-2021 của Chính phủ.

- Về thẩm quyền:

+ Thẩm quyền lập các Biên bản vi phạm hành chính: công chức Địa chính – Xây dựng thuộc U lập và ký các biên bản vi phạm hành chính là phù hợp quy định tại Điều 69, Nghị định 139/2017/NĐ-CP.

+ Thẩm quyền ban hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính: ông Vũ Hồng T3 – Phó Chủ tịch UBND thành phố V ký ban hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp quy định tại Điều 77, Nghị định 139/2017/NĐ-CP (theo quyết định giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số 5180/QĐ-GQXP ngày 16-10-2020 của Chủ tịch UBND thành phố V).

- Các quy định khác:

Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên không thuộc trường hợp phải thu hồi, hủy bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1, Nghị định 97/2017/NĐ-CPsửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19-7-2013 của Chính phủ.

Quá trình xử lý hành vi vi phạm hành chính đối với ông Tăng H1 do có hành vi vi phạm trong lĩnh vực đất đai, xây dựng tại một phần các thửa đất số 5, 14, 34 (thửa đất cũ số 58), tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 05), địa chỉ số B đường L, Phường H, thành phố V, tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật hiện hành.

Thời hạn, thời hiệu, thẩm quyền xử lý vi phạm tuân thủ nghiêm túc quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19-7-2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật

Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18-8-2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23-12-2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do đó, các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND thành phố V đối với ông Tăng H1 là phù hợp theo quy định hiện hành và cần được triển khai thực hiện để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo thực hiện các quy định pháp luật trong thực tế triển khai.

Ngày 08-8-2022, U phối hợp với các phòng ban chuyên môn của UBND Thành phố, lực lượng công an các cấp, dưới sự chứng kiến của đại diện khu phố, tiến hành tổ chức cưỡng chế theo Quyết định cưỡng chế số 2096/QĐ-CCXP ngày 09-4-2021 và Quyết định số 2567/QĐ-SĐBSHB ngày 05-4-2022 của UBND thành phố V. Đến nay, vụ việc đã hoàn thành trên thực tế.

Từ nội dung diễn biến vụ việc và các căn cứ pháp lý như nêu trên, đề nghị Tòa án xem xét, xử lý vụ kiện theo hướng bác toàn bộ nội dung yêu cầu của ông Tăng H1 về hủy Quyết định cưỡng chế 2096/QĐ-CCXP và Quyết định số 2567/QĐ-SĐBSHB.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2025/HC-ST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O về việc:

- Hủy Quyết định số 9769/QĐ-UBND, ngày 19-11-2004 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, trợ cấp để xây dựng công trình Trường P, Phường H, thành phố V;

- Hủy Quyết định số 9827/QĐ-UBND, ngày 19-11-2004 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của hộ ông Tăng H1 tại 2 L, Phường H, thành phố V để xây dựng công trình Trường P, Phường H, thành phố V;

- Hủy Quyết định số 793/QĐ-UBND, ngày 14-3-2005 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống, nhà và vật kiến trúc của ông Tăng H1 để xây dựng công trình Trường P, Phường H, thành phố V;

- Hủy Quyết định số 4121/QĐ-UBND ngày 20-11-2007 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn của ông Tăng H1 khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 1093/QĐ-UBND, ngày 17-3-2008 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt kinh phí bổ sung hỗ trợ tiền thuê nhà;

- Buộc UBND tỉnh B bồi thường cho ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O phần đất có diện tích 1.908,6m² tại số B L, Phường H, thành phố V đã bị thu hồi theo Quyết định 15134/QĐ-UBND ngày 31-12-2003 của UBND tỉnh B.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O về việc:

- Hủy Quyết định cưỡng chế số 2096/QĐ-CCXP ngày 09-4-2021 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Tăng H1;

- Hủy Quyết định số 2567/QĐ-SĐBSHB ngày 05-4-2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/3/2025, ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O, có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Thành T thống nhất trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O, với các lý do: Ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O mua đất này từ ông Bùi Văn T2 năm 1997, trên đất có căn nhà lá, đất có nguồn gốc của hộ bà Nguyễn Kim B sử dụng do Ủy ban nhân dân Phường U tập trung các hộ cư trú tự do ở khu Đ vào một khu vực để dễ quản lý theo Đơn xin xác nhận ngày 02-11-2006, có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường U, thành phố V. Gia đình người khởi kiện sử dụng đất ổn định lâu dài từ đó đến nay và đất không có tranh chấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của ông Tăng H1 và bà Nguyễn Thị O, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh B (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân Thành phố H); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H) đã được triệu tập lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

[1.2.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ông Tăng H1 và bà Nguyễn Thị O khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh B bao gồm: Quyết định số 9769/QĐ-UBND ngày 19/11/2004 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, trợ cấp để xây dựng công trình Trường P, Phường H, thành phố V; Quyết định số 9827/QĐ-UBND ngày 19/11/2004 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của hộ ông Tăng H1 tại 2 L, Phường H, thành phố V để xây dựng công trình Trường P, Phường H, thành phố V; Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 14/3/2005 của về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống, nhà và vật kiến trúc của ông Tăng H1 để xây dựng công trình Trường P, Phường H, thành phố V; Quyết định số 4121/QĐ-UBND ngày 20/11/2007 về việc giải quyết đơn của ông Tăng

H1 khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 17/3/2008 về việc phê duyệt kinh phí bổ sung hỗ trợ tiền thuê nhà và các quyết định của Chủ tịch UBND thành phố V bao gồm: Quyết định cưỡng chế số 2096/QĐ-CCXP ngày 09/4/2021 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Tăng H1; Quyết định số 2567/QĐ-SĐBSHB ngày 05/4/2022 về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; buộc UBND tỉnh B bồi thường cho ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O phần đất có diện tích 1.908,6m² tại số B L, Phường H, thành phố V đã bị thu hồi theo Quyết định 15134/QĐ-UBND ngày 31/12/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Xét yêu cầu khởi kiện trên là khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2.2] Về thời hiệu khởi kiện

+ Đối với các quyết định thu hồi, bồi thường: Ngày 15/11/2006, ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O nộp đơn khiếu nại Quyết định số 793/QĐ-UBND đến Phòng Tiếp dân UBND tỉnh B. Ngày 02/01/2007, Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức làm việc với ông H1, bà O về nội dung khiếu nại. Tại buổi làm việc, ông H1 bà O cung cấp bản photo Quyết định số 9827/QĐ-UBND và Quyết định số 793/QĐ-UBND. Ngày 20-11-2007, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 4121/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của ông Tăng H1 khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Sau đó, hộ ông Tăng H1 tiếp tục gửi đơn khiếu nại Quyết định số 4121/QĐ-UBND đến Thanh tra Chính phủ. Ngày 11-01-2008, Vụ tiếp dân và xử lý đơn thuộc Thanh tra Chính phủ có Văn bản số 150954/HD-TD&XLDT Hướng dẫn ông Tăng H1 gửi đơn đến Bộ T4 hoặc Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để giải quyết.

Ngày 17/3/2008, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số Quyết định số 1093/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bổ sung hỗ trợ tiền thuê nhà. Sau khi có các Quyết định thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại, các cơ quan chức năng đã tiến hành cưỡng chế giải tỏa một phần diện tích đất thu hồi của hộ ông Tăng H1 để xây dựng Trường P; phần còn lại, hộ ông H1 vẫn tiếp tục sử dụng. Năm 2017, ông H1 làm thủ tục xin cấp giấy nhưng bị trả lại hồ sơ do phần đất thuộc nhà nước quản lý và đã được thu hồi năm 2003. Tại đơn khởi kiện, ông H1 bà O trình bày đến nay ông bà vẫn chưa nhận được Quyết định số 9769/QĐ-UBND, Quyết định số 793/QĐ-UBND và Quyết định số 1093/QĐ-UBND. Tại

phiên toà sơ thẩm, ông H1, bà O thừa nhận đã được cán bộ U, thành phố V tổng đạt Quyết định số 1093/QĐ-UBND vào năm 2008.

Do đó, đến ngày 20/02/2023, ông Tăng H1 và bà Nguyễn Thị O mới khởi kiện các quyết định này thì thời hiệu khởi kiện đã hết theo khoản 1 Điều 7, Điều 28, khoản 2 Điều 33 của Luật Khiếu nại và Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu huỷ các Quyết định số 9769/QĐ-UBND, Quyết định số 9827/QĐ-UBND, Quyết định số 793/QĐ-UBND, Quyết định số 4121/QĐ-UBND và Quyết định số 1093/QĐ-UBND của ông H1, bà O, là đúng quy định tại Điều 116, điểm g, khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

+ Đối với quyết định về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ban hành ngày 05/4/2022, đến ngày 20/02/2023, ông H1, bà O nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả và quyết định bổ sung

[2.1]. Nguồn gốc đất:

Theo Văn bản số 2409/UBND-ĐC ngày 16-10-2024 của U, thành phố V; Sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V lập ngày 03-4-2017 và Hồ sơ địa chính khu đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 05 tại Phường H, thành phố V như sau:

- Theo hồ sơ địa chính năm 1989: Sổ mục kê do Công ty D1 đăng ký 334.260m², loại đất "RT".

- Hồ sơ địa chính lập năm 2001 duyệt năm 2004: tờ bản đồ số 74, gồm một phần thửa đất số 05, diện tích 2326,6m², loại đất RT, ghi tên chủ sử dụng là rừng phòng hộ; phần thửa đất số 14, diện tích 1396,8m², loại đất RT, để trống tên chủ sử dụng.

- Hồ sơ địa chính lập năm 2015 duyệt năm 2016: tờ bản đồ số 74, gồm một phần thửa đất số 05, diện tích 1112m², loại đất RPH, ghi tên chủ sử dụng là rừng phòng hộ; phần thửa đất số 14, diện tích 14984,7m², loại đất RPH, ghi tên chủ sử dụng là rừng phòng hộ; phần thửa đất số 34, diện tích 38545,9m², loại đất DGD, ghi tên chủ sử dụng là Trường P.

Như vậy, diện tích đất hộ ông Tăng H1 sử dụng bị thu hồi và cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đất rừng phòng hộ do Nhà nước quản lý.

[2.2] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Ngày 15-10-2020, U, thành phố V lập biên bản vi phạm hành chính số 18/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông Tăng H1 về hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị thuộc một phần thửa đất số 5, 14, 34, tờ bản đồ số 74, diện tích 1.207,4m². Ông H1 không đồng ý ký vào biên bản vi phạm hành chính nên U đã niêm yết biên bản vi phạm hành chính cho ông H1 đúng quy định pháp luật.

Cùng ngày 15-10-2020, U, thành phố V lập biên bản vi phạm hành chính số 30/BB-VPHC về lĩnh vực trật tự xây dựng đối với ông Tăng H1 về hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng đối với xây dựng công trình khác. Diện tích xây dựng: 52,4m² + 28,3m² = 80,7m² (02 căn). Hiện trạng: Căn 01 diện tích 52,4m² kết cấu tường gạch, mái tôn; căn 02 diện tích 28,3m² kết cấu vách tôn, mái tôn.

Do đó, việc U, thành phố V lập biên bản vi phạm hành chính đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Ngày 29-12-2020, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7380/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Tăng H1 đúng quy định tại khoản 1 Điều 6, Khoản 1, Khoản 2 Điều 65; Khoản 1, Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Do hết thời gian tự nguyện thi hành nên ngày 09-4-2021, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2096/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Tăng H1. Do sai sót trong quá trình soạn thảo Quyết định số 2096/QĐ-CCXP nên UBND thành phố ban hành Quyết định số 2567/QĐ-SĐBSHB ngày 05-4-2022 về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần Quyết định số 2096/QĐ-CCXP với nội dung: Bổ sung phần căn cứ ban hành Quyết định: *“Căn cứ Quyết định số 2095/QĐ-GQCC ngày 09/4/2021 của thành phố V về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính”*.

Như vậy trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả và quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cưỡng chế nêu trên là đúng quy định tại Điều 18 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 đối bởi khoản 7 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi 2020 và Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23-12-2021 của Chính phủ.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tăng H1 và bà Nguyễn Thị O, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Tăng H1 và bà Nguyễn Thị O phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông Tăng H1 và bà Nguyễn Thị O thuộc trường hợp miễn án phí theo luật định nên ông H1 bà O được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Tăng H1 và bà Nguyễn Thị O, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O về việc:

- Hủy Quyết định số 9769/QĐ-UBND, ngày 19-11-2004 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, trợ cấp để xây dựng công trình Trường P, Phường H, thành phố V;

- Hủy Quyết định số 9827/QĐ-UBND, ngày 19-11-2004 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của hộ ông Tăng H1 tại 2 L, Phường H, thành phố V để xây dựng công trình Trường P, Phường H, thành phố V;

- Hủy Quyết định số 793/QĐ-UBND, ngày 14-3-2005 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống, nhà và vật kiến trúc của ông Tăng H1 để xây dựng công trình Trường P, Phường H, thành phố V;

- Hủy Quyết định số 4121/QĐ-UBND ngày 20-11-2007 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn của ông Tăng H1 khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 1093/QĐ-UBND, ngày 17-3-2008 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt kinh phí bổ sung hỗ trợ tiền thuê nhà;

- Buộc UBND tỉnh B bồi thường cho ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O phần đất có diện tích 1.908,6m² tại số B L, Phường H, thành phố V đã bị thu hồi theo Quyết định 15134/QĐ-UBND ngày 31-12-2003 của UBND tỉnh B.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tăng H1, bà Nguyễn Thị O về việc:

- Hủy Quyết định cưỡng chế số 2096/QĐ-CCXP ngày 09-4-2021 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Tăng H1;

- Hủy Quyết định số 2567/QĐ-SĐBSHB ngày 05-4-2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Tăng H1 và bà Nguyễn Thị O được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công

Đinh Ngọc Thu Hương

Trần Thị Hòa Hiệp